

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN
(Ban hành theo Nghị quyết số 20 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021
của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích, phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần CP du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn bao gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và trách nhiệm các bộ phận đối với Ban kiểm soát nhằm kiểm tra giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Pháp luật của Nhà nước.

Điều 2: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt Công ty: Công ty cổ phần CP du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn

- **Điều lệ:** Công ty cổ phần CP du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- **HĐQT:** Hội đồng quản trị Công ty cổ phần CP du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát Công ty cổ phần CP du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
- **Luật Doanh nghiệp:** Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan..

Điều 3 : Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực và kịp thời mọi hoạt động của Ban Kiểm soát.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4: Chức năng hoạt động

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại quy chế này. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5: Tổ chức và nguyên tắc hoạt động của bộ máy Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

2) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

5) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám

độc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 9: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 10: Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 11: Nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

- Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát theo định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình kế hoạch,

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát, thực hiện những nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của Ban kiểm soát.

- Lập báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất, trình Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động, kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát và các kiến nghị. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước cổ đông về những nội dung nêu trong báo cáo.

- Ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt.

- Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Tham dự các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, năm; các phiên họp của Hội đồng Quản trị.

- Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12: Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

- Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ kiểm soát có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ về lĩnh vực được phân công, giúp Trưởng Ban kiểm soát tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về lĩnh vực được phân công.

- Tuân thủ pháp luật và chính sách chế độ hiện hành của Nhà nước, của Công ty, đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực khi tiến hành kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Các thành viên Ban kiểm soát có báo cáo bằng văn bản tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá, kết luận của mình.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giữ gìn bảo mật tài liệu, số liệu, tình hình đã được cung cấp hoặc thu nhận qua kết quả kiểm tra, kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 13: Chế độ làm việc

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát, kiểm tra theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát.

Trưởng Ban kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc khi cần kiểm tra đột xuất để phát hiện những sai sót giúp Công ty khắc phục kịp thời. Các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình đó.

Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban, trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát. Cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát có mặt. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được thông báo tới các thành viên Ban kiểm soát về thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp trước ít nhất 03 ngày làm việc, đồng thời được gửi thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của Công ty biết. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc có thể tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết nhưng không làm thay đổi nội dung cuộc họp cũng như ảnh hưởng

đến tính độc lập trong thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát gồm:

- Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm.
- Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- + Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị
- + Trưởng ban Kiểm soát
- + Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát
- + Tổng Giám đốc

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành triệu tập họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban gửi các cổ đông xin ý kiến biểu quyết hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

Mỗi vụ việc kiểm tra phải được Trưởng Ban kiểm soát phê duyệt mới được thực hiện. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát phải tuân thủ các quy định, quy trình kiểm soát.

Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến và có quyền báo cáo Đại hội đồng cổ đông về ý kiến riêng của mình.

Định kỳ và ít nhất 6 tháng một lần, Ban kiểm soát họp theo thông báo của Trưởng Ban kiểm soát để trao đổi thông tin và phối hợp công việc nhằm thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

Các chi phí liên quan đến việc tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo (bao gồm chi phí đi lại, ăn ở trong những ngày diễn ra cuộc họp) do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty tổ chức sẽ được Công ty đảm bảo. Mức chi phí phù hợp với quy định của Công ty.

Điều 14: Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

- Tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra kiểm soát theo quy định của pháp luật;

- Các thông tin, báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi các cơ quan quản lý Nhà nước phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:

- Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ.

- Ban kiểm soát chỉ thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật và/hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT vào cùng một thời điểm.

- Ban kiểm soát báo cáo với Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra kiểm soát .

- Ban kiểm soát tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát khi Hội đồng quản trị yêu cầu;

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Công ty các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội để thẩm định.

- Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Quan hệ với Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Ban Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

- Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra, kiểm toán;

- Định kỳ hàng quý Tổng giám đốc gửi báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch hàng quý, năm và kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa bổ sung để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được duyệt;

- Thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

5. Quan hệ với các chi nhánh, bộ phận điều hành của Công ty:

- Trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

- Các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 15: Chi phí tài chính của Ban Kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của

Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Mức thù lao và các chi tiêu tài chính khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy chế tài chính của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

Điều 16: Khen thưởng, kỷ luật

Trưởng Ban, các thành viên trong Ban kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo quy định của Công ty.

Trưởng Ban, các thành viên trong Ban kiểm soát vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

Điều 17: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của quy chế này và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18: Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế:

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, các tổ chức, đơn vị cần có văn bản phản ánh kịp thời để Ban Kiểm soát nghiên cứu, xem xét đề nghị ĐHĐCĐ sửa đổi hoặc bổ sung.

Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua bằng nghị quyết khi xét thấy có những điều khoản quy định trong Quy chế này không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được hiểu là phải áp dụng thực hiện theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh Nghiệp và các Luật khác liên quan hiện hành. Trường hợp những quy định mới của pháp luật, khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 19: Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Trưởng Ban Kiểm soát ký ban hành và được công khai trong toàn Công ty để làm cơ sở thực hiện.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Trưởng Ban Kiểm soát quyết định trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Thu Huyền